**PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

TiÕng Anh lµ ng«n ng÷ ®­îc nhiÒu quèc gia sö dông nhÊt, nã trë thµnh ngôn ngữ chính thức cña nhiÒu n­íc, lµ ng«n ng÷ giao tiÕp phổ biến nhất gi÷a con ng­êi víi con ng­êi trªn toµn thÕ giíi.

Víi xu thÕ héi nhËp quèc tÕ, ViÖt Nam ®ang ngµy cµng ph¸t huy hÕt kh¶ n¨ng s½n cã trong mäi lÜnh vùc. Ng«n ng÷ giao tiÕp trë thµnh c«ng cô ®¾c lùc vµ cã søc m¹nh tiªn quyÕt. HiÖn nay, khi ®Êt n­íc ta ®· gia nhËp tæ chøc th­¬ng m¹i thÕ giíi WTO th× viÖc biÕt tiÕng Anh vµ sö dông ®­îc tiÕng Anh sÏ gióp chóng ta cã nhiÒu c¬ héi ®Ó n©ng cao sù hiÓu biÕt vµ ph¸t triÓn vÒ mäi mÆt. ChÝnh v× vËy, m«n ngo¹i ng÷ nãi chung vµ tiÕng Anh nãi riªng ngµy cµng trë nªn quan träng. Ngµy nay, ë n­íc ta trong c¸c nhµ tr­êng phæ th«ng, ®¹i häc hay cao ®¼ng vµ ch­¬ng tr×nh ®µo t¹o sau ®¹i häc, bé m«n tiÕng Anh ®· ®­îc coi nh­ mét m«n häc chÝnh - mét m«n häc b¾t buéc.

Chóng ta đã x¸c ®Þnh vÞ trÝ cña m«n häc ®èi víi sù ph¸t triÓn chung cña toµn x· héi: lµ mét phương tiện hoµ nhËp víi céng ®ång quèc tÕ vµ khu vùc; tiÕp cËn th«ng tin vµ khoa häc kÜ thuËt; tiÕp cËn nh÷ng nÒn v¨n ho¸ kh¸c còng nh­ nh÷ng sù kiÖn quèc tÕ quan träng. Bé Gi¸o dôc - §µo t¹o ®­a ra môc tiªu cho bé m«n: Ch­¬ng tr×nh m«n tiÕng Anh cÊp THCS nh»m h×nh thµnh vµ ph¸t triÓn ë häc sinh nh÷ng kiÕn thøc vµ kÜ n¨ng c¬ b¶n vÒ tiÕng Anh vµ nh÷ng phÈm chÊt trÝ tuÖ cÇn thiÕt ®Ó tiÕp tôc học tập và lao động.

Ch­¬ng tr×nh tiÕng Anh, do vậy, đã ®­îc ®­a vµo gi¶ng d¹y ë c¸c tr­êng THCS nhiÒu n¨m nay, nh­ng tiếng Anh vÉn lµ mét m«n học tương đối khó đối víi häc sinh. Ph­¬ng ph¸p thùc hiÖn c¸c tiÕt d¹y còng nh­ môc ®Ých d¹y vµ häc tiếng Anh còng có những đặc thù riêng so víi nh÷ng m«n häc kh¸c.

Môc ®Ých cña viÖc gi¶ng d¹y ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng lµ rÌn luyÖn cho häc sinh 4 kü n¨ng: nghe (listening), nãi (speaking), ®äc (reading), vµ viÕt (writing), và cao hơn là giúp các em thích ứng với môi trường học tập và làm việc có yếu tố nước ngoài sau này. Muèn hoµn thiÖn kü n¨ng ng«n ng÷, ngoài thời gian học trên lớp, chủ yếu ng­êi häc ph¶i được thùc hµnh. Trong 4 kỹ năng đó, nghe – nói là 2 kỹ năng được coi là cơ bản nhất cần được người học nắm vững. Tuy nhiên ë cÊp THCS, hÇu nh­ viÖc luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ©m, ng÷ ®iÖucho häc sinh ch­a ®­îc chó träng, gi¸o viªn chØ rÌn luyÖn cho häc sinh ®äc mµ nhiều khi quªn ®i ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu trong c¸c c©u nãi.

Thùc tÕ, ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu rÊt quan träng trong viÖc ®µm tho¹i giao tiÕp, ®Æc biÖt lµ với ng­êi n­íc ngoµi. NhiÒu ng­êi khi häc tiÕng Anh th­êng nghÜ r»ng chØ cÇn ph¸t ©m ®óng c¸c tõ mµ kh«ng chó ý ®Õn tiÕt tÊu, ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu. Thùc ra ph¸t ©m ®óng c¸c tõ míi chØ lµ ®iÒu kiÖn cÇn nh­ng ch­a ®ñ.

Trong c©u nãi cña ng­êi Anh bản xứ, nh÷ng tõ cã ý nghÜa, cã néi dung diÔn ®¹t chÝnh th­êng ®­îc "nhÊn giäng". Nh÷ng lo¹i c©u kh¸c nhau lại sö dông ng÷ ®iÖu kh¸c nhau. Việc không nắm bắt đươc một số quy luật về ngữ âm và ngữ điệu rất có thể làm ảnh hưởng tiêu cực tới nội dung giao tiếp.

C¨n cø vµo tÇm quan träng cña ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu, t«i xin ®­îc nªu quan điểm của cá nhân về một số biện ph¸p d¹y tiÕt tÊu, ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh ë tr­êng THCS Khương Đình ®Ó gióp häc sinh hạn chế những nh­îc ®iÓm có thể xảy ra trong quá trình giao tiếp bằng ngôn ngữ này.

1. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU:

* Tìm hiểu các phương pháp tổ chức hoạt động trong từng bài cụ thể.
* Nghiên cứu thực trạng các bài học trong sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 8, đồng thời đưa ra một vài kinh nghiệm của bản thân trong quá trình tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 8.
* Tình hình thực tế dạy học và việc nghiên cứu, vận dụng đề tài vào thực tiễn giảng dạy môn tiếng Anh lớp 8 tại trường THCS Khương Đình.

III. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU:

Đề tài này nghiên cứu một số kinh nghiệm để thực hiện những biện ph¸p d¹y ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh ë tr­êng THCS Khương Đình.

1. **§èi t­îng nghiên cứu:**

Năm học 2012-2013, tôi được nhà trường phân công giảng dạy tiếng Anh ở các lớp 6A1, 7A2, 8A3 và 8A4. Như đã phân tích, tôi áp dụng các biện pháp dạy ngữ âm, ngữ điệu ở tất cả các lớp, đặc biệt thường xuyên ở hai lớp 8A3 và 8A4 trường THCS Khương Đình.

Vào đầu năm học, tôi tiến hành khảo sát trình độ tiếng Anh của học sinh hai lớp trên. Kết quả:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS** | **Kết quả kiểm tra** | | | |
| **Dưới TB** | **TB** | **Khá** | **Giỏi** |
| 8A3 | 33 | 3 | 15 | 10 | 5 |
| 8A4 | 30 | 4 | 12 | 9 | 5 |

Kết quả cho thấy: số lượng học sinh trung bình còn nhiều so với học sinh khá/ giỏi.

- Víi sù nhiÖt t×nh cña ng­êi giáo viên trẻ tuổi, t«i ®· x©y dùng tèt mèi quan hÖ gi÷a thÇy vµ trß, t«i muèn ¸p dông một số ý tưởng và biện pháp nh»m mang l¹i kÕt qu¶ tèt nhÊt trong viÖc häc tËp cña häc sinh vµ gi¶ng d¹y cña gi¸o viªn. Qua ®ã t¨ng thªm lòng yªu thÝch m«n tiếng Anh vµ häc tèt m«n häc nµy cho c¸c em häc sinh.

**2. Thêi gian nghiªn cøu:**

T«i ®· x©y dùng ®Ò tµi nµy vµ ¸p dông trong gi¶ng d¹y từ đầu n¨m häc 2012 - 2013. (Thêi gian cô thÓ: tõ th¸ng 9/ 2012 ®Õn th¸ng 4/ 2013).

IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

“Một số biện pháp dạy ngữ âm, ngữ điệu trong các loại câu tiếng Anh cho học sinh lớp 8 ở trường THCS Khương Đình” là sáng kiến kinh nghiệm nghiên cứu một số mô hình, hoạt động và bài tập liên quan đến ngữ âm, ngữ điệu của câu/ đoạn văn/ hội thoại tiếng Anh. Mô hình, hoạt động và bài tập được tổ chức theo đôi, nhóm hoặc cá nhân dưới sự quan sát và hướng dẫn của giáo viên.

Phương pháp nghiên cứu được ứng dụng trong hầu hết các giờ dạy tiếng Anh, đặc biệt là các giờ nghe – nói hay dạy mẫu câu.

V. PHẠM VI NGHIÊN CỨU:

Đề tài này được thực hiện trong các tiết dạy tiếng Anh lớp 8A3 và 8A4 ở trường THCS Khương Đình năm học 2012-2013.

PHẦN II - NỘI DUNG ĐỀ TÀI

1. **CƠ SỞ LÝ LUẬN:**
2. **Tổng quan:**

Trong qu¸ tr×nh d¹y - häc tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng nói, thì tiết tấu, ngữ âm, ngữ điệu rất quan trọng nh­ng cÇn ph¶i chó ý ®Õn ph­¬ng ph¸p truyÒn ®¹t c¸c kiÕn thøc ®ã tíi häc sinh trong mçi tiÕt d¹y, gióp häc sinh tiÕp thu bµi nhanh h¬n vµ cã sù say mª vµ yªu thÝch m«n häc. Khi d¹y ngo¹i ng÷, ®Æc biÖt lµ m«n tiÕng Anh gi¸o viªn ph¶i có phương pháp ®Ó gióp häc sinh tiÕp cËn, nhËn biÕt ®­îc nh÷ng yÕu tè nhá nhÊt vµ c¬ b¶n ®Çu tiªn ®Ó thµnh lËp ®­îc mét ng«n ng÷ ®ã chÝnh lµ nghe (input/ receptive) và nói (output/ productive).

Chương trình tiếng Anh lớp 8 có nhiều điểm khác biệt so với lớp 6, 7 khi các tiết dạy kỹ năng được phân chia rõ ràng. “Speak” and “Listen” thường được giảng dạy trong một tiết học. Chính vì vậy để häc sinh líp 8 cã thÓ nhí đ­îc trọng âm tõ vµ trọng âm c©u, sö dông tiết tấu vµ ngữ âm ®Ó thùc hµnh, luyÖn tËp nói là rất quan träng. §Ó lµm tèt ®­îc ®iÒu nµy ng­êi gi¸o viªn cÇn ph¶i s¸ng t¹o, ¸p dông c¸c ph­¬ng ph¸p míi trong gi¶ng d¹y ®Ó bµi gi¶ng cã hiÖu qu¶ vµ phï hîp víi tõng ®èi t­îng häc sinh vµ víi tõng líp d¹y cña m×nh.

Qua c¸c ®ît tËp huÊn, héi th¶o, chuyên đề vµ båi d­ìng vÒ chuyªn m«n, mỗi gi¸o viªn ®Òu ®­îc häc hái vµ tiÕp thu nh÷ng ph­¬ng ph¸p d¹y häc míi phï hîp víi tõng kiÓu bµi, d¹ng bµi lªn líp. Bªn c¹nh ®ã, mçi gi¸o viªn cÇn ph¶i häc hái thªm c¸c ph­¬ng ph¸p d¹y häc hay cña ®ång nghiÖp b»ng c¸ch dù giê, trao ®æi ph­¬ng ph¸p ®Ó rót ra kinh nghiÖm vµ c¸ch d¹y häc sao cho phï hîp, s¸ng t¹o h¬n.

Bé s¸ch gi¸o khoa míi cã nhiÒu ­u ®iÓm, nh­ng còng ®ßi hái häc sinh ph¶i chñ ®éng häc tËp vµ tiÕp thu kiÕn thøc vµ c¸c bµi häc cã tÝnh giao tiÕp cao. §iÒu ®ã ®ßi hái c¸c em ph¶i cã vµ biÕt vËn dông kü n¨ng nghe - nãi tèt h¬n.

§Ó gióp c¸c em häc sinh, nhÊt lµ c¸c em cßn rôt rÌ ng¹i giao tiÕp cã c¬ héi vµ høng thó häc tèt tiÕng Anh, t«i ®· d¹y vµ luyÖn tËp tõ vùng, ngữ âm, ngữ điệu cho học sinh thông qua các biện pháp cụ thể.

2. Khái niệm cơ bản về ngữ âm, ngữ điệu trong tiếng Anh:

***a. Träng ©m:***

Trong tiÕng Anh cã hai lo¹i träng ©m, träng ©m tõ (word stress) vµ träng ©m c©u (sentence stress).

*- Träng ©m tõ*

Träng ©m tõ lµ møc ®é nhÊn m¹nh ®­îc sö dông khi ph¸t ©m c¸c ©m tiÕt kh¸c nhau cña mét tõ cã tõ hai ©m tiÕt trë lªn.

Träng t©m tõ lu«n cè ®Þnh.

VÝ dô: 'classroom / 'klasrum/

Tuy nhiªn, víi cïng mét “vỏ tõ”, khi träng ©m thay ®æi sÏ kÐo theo sù thay ®æi cña tõ lo¹i vµ nghÜa cña tõ.

VÝ dô: danh tõ - ®éng tõ

'increase - in'crease

(sự tăng) (tăng lên)

hoÆc: danh tõ, tÝnh tõ - ®éng tõ.

'present - pre'sent

(quµ tÆng, cã mÆt) (®­a, tr×nh, nép, d©ng)

Träng ©m tõ tiÕng Anh chia thµnh 4 lo¹i: träng ©m chÝnh (primary stress), träng ©m phô hoÆc thø hai (secondary stress), träng ©m thø ba (tertiary stress) vµ träng ©m yÕu hoÆc thø t­ (weak stress).

SKKN này ®Ò cËp ®Õn hai lo¹i träng ©m ®Çu lµ träng ©m chÝnh víi ký hiÖu " **'** " vµ träng ©m phô víi ký hiÖu " **,** "

VÝ dô: disagree /**,**disə**'**gri:/

hoÆc education /**,**edju**'**kei∫ən/

Nh÷ng tõ cã hai träng ©m th­êng cã tõ 3, 4 ©m tiÕt trë lªn.

*- Träng ©m c©u*

Träng ©m c©u lµ møc ®é nhÊn m¹nh ®­îc sö dông khi ph¸t ©m c¸c tõ kh¸c nhau trong mét c©u vµ th­êng g¾n liÒn víi ng÷ ®iÖu cña c©u. Nh×n chung, träng ©m trong mét c©u b×nh th­êng, th­êng r¬i vµo c¸c tõ quan träng mang néi dung nghÜa (content words), cßn c¸c tõ chøc n¨ng (function words) nh­ giíi tõ (in, on, at...) hoÆc trạng tõ (quickly, here, very...) m¹o tõ (a, the, an...)... th­êng kh«ng cã träng ©m.

Mçi c©u th­êng cã Ýt nhÊt mét träng ©m, nh­ng ®«i khi mét c©u cã thÓ cã hai hoÆc nhiÒu träng ©m, tuú thuéc vµo ®é dµi cña c©u hoÆc tuú thuéc vµo ý nghÜa mµ ng­êi nãi muèn truyền tải tíi ng­êi nghe. Mét c©u nh­ sau: "What have you done?" cã thÓ cã hai träng ©m, mét ë "What" vµ mét ë "done". Mét c©u tr¶ lêi ng¾n nh­ "Yes, I did." cã thÓ cã hai träng ©m, mét ë "Yes" vµ mét ë "did".

Träng ©m c©u kh«ng cè ®Þnh nh­ träng ©m tõ.

Träng ©m c©u thay ®æi tuú theo ng÷ c¶nh cña c©u vµ ý nghÜa mà ng­êi nãi muèn chuyÓn tíi ng­êi nghe.

VÝ dô: I bought a new mortobike.

1 2 3 4 5

Khi ta nhÊn m¹nh träng ©m vµo tõ sè 1 (I), ta muèn tr¶ lêi c©u hái "*Who* bought a new mortobike?"

- "*I* bought it."

Khi ta nhÊn träng ©m vµo tõ sè 2 (bought), ta muèn tr¶ lêi c©u hái "*What* did you do with a new mortobike?"

- "I *bought* it."

Khi ta nhÊn träng ©m vµo tõ sè 3 (a), ta muèn tr¶ lêi c©u hái "*How many* mortobikes did you buy?"

- "I bought *one* new mortobike."

Khi ta nhÊn träng ©m vµo tõ sè 4 (new), ta muèn tr¶ lêi c©u hái "*How* is the mortobike that you bought?"

- "I bought a *new* mortobike./ It is *new*."

Khi ta nhÊn träng ©m vµo tõ sè 5 (mortobike), ta muèn tr¶ lêi c©u hái: "*What* did you buy?"

- "I bought a new *mortobike.*"

***b) Ng÷ ®iÖu:***

Ng÷ ®iÖu trong tiÕng Anh ®­îc ph©n lµm hai lo¹i chÝnh:

- Ng÷ ®iÖu lªn víi ký hiÖu th­êng ®­îc dïng lµ

- Ng÷ ®iÖu xuèng víi ký hiÖu th­êng ®­îc dïng lµ

+ Tuy nhiªn, trong giao tiÕp hµng ngµy ng­êi ta cßn dïng nhiÒu lo¹i "tiÓu" ng÷ ®iÖu ®Ó diÔn ®¹t chÝnh x¸c c¸c ý kh¸c nhau cña m×nh.

Đó là: - Xuèng thÊp (Low Fall).

- Xuèng réng cao (High Wide Fall).

- Xuèng hÑp cao (High Narrow Fall).

- Lªn thÊp (Low Rise).

- Lªn réng cao (High Wide Rise).

- Lªn hÑp cao (High Narrow Rise).

- Lªn - xuèng (Rise - Fall).

- Xuèng - lªn (Fall - Rise).

- Lªn - xuèng - lªn (Rise - Fall - Rise).

Ở đây, tôi chỉ ®Ò cËp tíi hai lo¹i ng÷ ®iÖu chÝnh lµ "Ng÷ ®iÖu lªn " (Rising Intonation) vµ "Ng÷ ®iÖu xuèng" (Falling Intonation).

Ng÷ ®iÖu lªn th­êng thÓ hiÖn ý ch­a kÕt thóc vµ kh«ng kh¼ng ®Þnh. Ng÷ ®iÖu xuèng th­êng thÓ hiÖn ý kÕt thóc vµ kh¼ng ®Þnh.

TÇm quan träng cña ng÷ ®iÖu trong tiÕng Anh được vÝ nh­ tÇm quan träng cña thanh ®iÖu trong tiÕng ViÖt. Tõ "Yes" trong tiếng Anh sÏ thay ®æi tuú theo ng÷ ®iÖu mµ ta sö dông:

Yes (víi ng÷ ®iÖu xuèng) cã nghÜa lµ: õ, v©ng, ph¶i, cã...

Yes (víi ng÷ ®iÖu lªn ) cã nghÜa lµ: g× c¬?, ai ®Êy?, ®­îc chø?....

Yes (víi ng÷ ®iÖu lªn - xuèng - lªn: ¸m chØ ý mØa mai, chª bai, nghi ngê... tuú theo tõng ng÷ c¶nh vµ t×nh huèng mµ ng­êi nãi sö dông.

Th«ng th­êng, ta dïng ng÷ ®iÖu lªn víi c©u hái nghi vấn, víi c¸c phÇn trong c©u liÖt kª tr­íc khi kÕt thóc, víi phÇn ®Çu cña c©u hái lùa chän, vµ víi c©u trÇn thuËt th«ng th­êng nhưng hàm ý hái.

VÝ dô: "You under stand." (Anh hiÓu chø?)

Cßn ng÷ ®iÖu xuèng th­êng ®­îc sö dông trong c©u hái ®Æc biÖt có từ để hỏi ("Wh" question), c©u trÇn thuËt, c©u tr¶ lêi, phÇn cuèi cïng cña c©u liÖt kª vµ phÇn sau cña c©u hái lùa chän.

**II. CƠ SỞ THỰC TIỄN:**

Trong thùc tÕ gi¶ng d¹y, t«i nhËn thÊy viÖc häc tËp vµ thùc hµnh m«n tiÕng Anh cña c¸c em häc sinh cßn gÆp nhiÒu khã kh¨n. C¸c em ch­a cã kh¶ n¨ng vËn dông kiÕn thøc ng«n ng÷ mét c¸ch chñ ®éng trong viÖc giao tiÕp trªn líp. MÆt kh¸c, trong tiÕng Anh hiÖn t­îng phát âm, ngữ âm hoµn toµn kh¸c so víi tiÕng ViÖt; c¸ch viÕt vµ c¸ch ®äc cña tõ còng hoµn toµn kh¸c nhau. Do ®ã, chúng gây rất nhiều khã kh¨n cho ng­êi häc.

V× vËy, nh÷ng ng­êi lµm c«ng t¸c gi¶ng d¹y bé m«n ngo¹i ng÷ cÇn ph¶i nghiªn cøu, trao ®æi ®Ó t×m ra nh÷ng ph­¬ng ph¸p d¹y häc hay và phï hîp víi tõng dạng bµi hoÆc tõng ®èi t­îng häc sinh. §Ó gióp c¸c em dÔ hiÓu bµi, dÔ nhí tõ vµ các hiện tượng ngữ âm trong tiếng Anh, t«i ®· ¸p dông mét sè ho¹t ®éng trß ch¬i trong khi gi¶ng d¹y vµ luyÖn tËp tiÕng Anh.

Trong quá trình thực hiện ®iÒu nµy t«i đã gÆp nhiÒu thuËn lîi cũng như không ít khã kh¨n, cô thÓ nh­ sau:

**1. ThuËn lîi:**

- Ban giám hiệu nhà trường rÊt quan t©m ®Õn viÖc gi¶ng d¹y bé m«n tiÕng Anh, t¹o ®iÒu kiÖn rÊt tèt cho gi¸o viªn vµ häc sinh nh­: §µi, đĩa, s¸ch gi¸o khoa, s¸ch tham kh¶o, giÊy, bót d¹; líp häc ®­îc trang bÞ ®Çy ®ñ c¸c ph­¬ng tiÖn, ®ñ bµn ghÕ, ¸nh s¸ng…

- Về giáo viên: Cã tËp thÓ tæ, nhãm chuyªn m«n cïng bµn b¹c, trao ®æi, gãp ý ®Ó cã ®­îc c¸c b­íc tiÕn hµnh bµi d¹y tèt h¬n, khoa học hơn.

- Về học sinh: Cã các tËp thÓ häc sinh ®oµn kÕt, sôi nổi, chăm ngoan vµ say mª häc tËp.

- B¶n th©n t«i cũng đã cè g¾ng, nç lùc phÊn ®Êu vµ häc hái c¸c ®ång nghiÖp trong qu¸ tr×nh gi¶ng d¹y.

**2. Khã kh¨n:**

**a. VÒ phÝa häc sinh:**

- Hai lớp 8 mà tôi được giao nhiệm vụ giảng dạy trong năm học 2012-2013 ở trường THCS Khương Đình là hai lớp cuối của khối 8, có hoàn cảnh khá đặc biệt. Nh×n chung tr×nh ®é nhËn thøc cña c¸c em ch­a ®ång ®Òu, ®iÒu kiÖn vµ m«i tr­êng sèng cña một số em còn nhiều khó khăn nên việc học tập của các em bị ảnh hưởng không nhỏ.

- Một số em ch­a chuyªn cÇn, dÉn ®Õn viÖc häc tr­íc quªn sau vµ ®ã lµ nguyªn nh©n chÝnh lµm cho chÊt l­îng häc tËp cña c¸c em ch­a cao.

- Mét sè em tuy rÊt ch¨m chØ häc tËp song ch­a cã ph­¬ng ph¸p häc hiÖu qu¶, cã thÓ tiÕp thu kiÕn thøc tõng hiện tượng ngữ âm nh­ng ch­a biÕt c¸ch tæng hîp vµ vËn dông c¸c kiÕn thøc ®Ó giao tiÕp víi b¹n bÌ vµ thÇy c«.

**b. VÒ phÝa gi¸o viªn:**

- Bản thân tôi là một giáo viên trẻ, vào ngành giáo dục được 3 năm nên kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều. Đôi khi, tự nhận thấy mình còn chñ quan khi cho r»ng ®· d¹y träng t©m vµo tõng phÇn trong c¸c tiÕt häc cô thÓ, vµ häc sinh ®· hiÓu bµi lµ cã thÓ thùc hµnh tèt tiết tấu, ngữ âm, ngữ điệu giao tiÕp tèt víi b¹n bÌ trong líp.

- Trong thùc tÕ viÖc ¸p dông c¸c b­íc, c¸c t×nh huèng giao tiÕp cho häc sinh mét c¸ch triÖt ®Ó cßn gÆp nhiÒu khã kh¨n, đòi hái ph¶i cã ®Çy ®ñ ph­¬ng tiÖn, c¬ së vËt chÊt vµ tuú thuéc vµo tr×nh ®é cña häc sinh.

- Trong mét tiết nghe nói thông thường, các dạng bài tập phổ biến là: Nghe, nh¾c l¹i, ®äc, hái vµ tr¶ lêi th«ng qua c¸c ho¹t ®éng theo cÆp, nhãm. Bằng kinh nghiệm của cá nhân, tôi nhận thấy viÖc sö dông c¸c trß ch¬i khi thùc hµnh vµ luyÖn tËp tõ - cÊu tróc nh»m kÝch thÝch kh¶ n¨ng nghe - nãi của học sinh trong khi giao tiÕp giúp gi¸o viªn dÔ dµng söa lçi vÒ ph¸t ©m cho häc sinh.

1. CÁC BIỆN PHÁP DẠY NGỮ ÂM, NGỮ ĐIỆU:

- Đối với giáo viên: để hoạt động dạy và học ngữ âm, ngữ điệu có hiệu quả, giáo viên phải là người tổ chức, điều khiển các hoạt động, với yêu cầu: hướng dẫn rõ ràng, chuẩn xác; quan sát bao quát; tiếp nhận linh hoạt phản hồi tích cực/ tiêu cực từ phía học sinh.

- Đối với học sinh: đây là đối tượng chủ động lĩnh hội kiến thức, với yêu cầu: lắng nghe hướng dẫn (phát âm, ngữ điệu, hoạt động) của giáo viên; tích cực tham gia các hoạt động do giáo viên tổ chức.

1. Biện ph¸p d¹y ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh.

*a. Ph­¬ng ph¸p chung khi giảng d¹y ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh:*

Th«ng th­êng, khi d¹y ngữ âm, ng÷ ®iÖu cho häc sinh, gi¸o viªn cÇn tiÕn hµnh theo c¸c b­íc:

- Gi¸o viªn ®äc mÉu kèm theo nhÞp gâ và ®éng t¸c lªn xuèng cña tay (cã thÓ hai lÇn).

- HoÆc cho häc sinh nghe b¨ng, đĩa (nÕu cã).

- Gi¸o viªn gäi häc sinh kh¸ ®äc tr­íc, sau ®ã gäi häc sinh trung b×nh vµ cuèi cïng gäi häc sinh yÕu ®äc. Gi¸o viªn cÇn sö dông nhÞp gâ vµ ®éng t¸c lªn xuèng cña tay gióp häc sinh nhÊn träng t©m vµ ng÷ ®iÖu lªn xuèng chÝnh x¸c, dÔ dµng.

- Ở mét sè c©u khã, gi¸o viªn ghi lªn b¶ng kÌm theo ký hiÖu träng ©m, ng÷ ®iÖu. Gi¸o viªn ®äc râ tõng tõ trong c©u (cã thÓ mét lÇn). Sau ®ã, gi¸o viªn ®äc c©u hoµn chØnh, kÕt hîp nhÞp gâ, ®éng t¸c lªn xuèng cña tay (cã thÓ hai lÇn). TiÕn hµnh luyÖn cho häc sinh ®äc lÇn l­ît, tËp thÓ líp ®äc.

*b. Biện ph¸p d¹y ngữ âm, ng÷ ®iÖu trong tõng lo¹i c©u cô thÓ*:

b.1 Mục tiêu của biện pháp:

Giúp học sinh nắm vững cách phát âm của từ, hiểu được trọng âm của từ và trọng âm của câu, đồng thời biết sử dụng ngữ điệu phù hợp trong thực hành nói/ hội thoại. Phát âm đúng, ngữ điệu chuẩn còn hỗ trợ kỹ năng nghe hiểu của học sinh rất nhiều.

b.2. Nội dung và cách tiến hành dạy ngữ âm, ngữ điệu:

Cách luyện tập đơn giản nhất là cho học sinh đọc theo giáo viên. Sử dụng thủ thuật này giáo viên cần lưu ý các điểm sau đây:

 - Đọc mẫu câu đúng ngữ điệu với tốc độ bình thường, tự nhiên làm nổi bật được sự khác nhau các âm tiết được nhấn và không được nhấn( không mang trọng âm) .

- Trong khi đọc giáo viên có thể dùng tay làm động tác để thể hiện trọng âm và ngữ điệu.

- Phải chú ý xem học sinh có thể hiện đúng trọng âm và ngữ điệu khi tập hay không.

- Đối câu dài giáo viên có thể cho học sinh đọc từng phần, bắt đầu từ cuối câu và di chuyển ngược dần về đầu câu. Thủ pháp này gọi là cuốn chiếu ngược.

Ví dụ:   ***I want to play football with you.***

Để luyện ngữ điệu của câu:

      .................................... with you.

      ............... play football with you.

      I want to play football with you.

Đối với từng loại câu khác nhau lại có cách dạy ngữ âm, ngữ điệu khác nhau, cụ thể:

***\* C©u trÇn thuËt:***

VÝ dô 1:

This is Miss Smith.

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo phương ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë c¸c tõ "This, Miss", träng ©m cña c©u, ®éng t¸c tay xuèng ë tõ "Smith" - ng÷ ®iÖu xuèng.

VÝ dô 2:

Nien is a student.

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë tõ "Nien", ®éng t¸c tay xuèng ë tõ "student".

VÝ dô 3:

I was watching T.V at 8 o’clock last night.

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë tõ "I, watching, T.V, 8", ®iÖu bé xuèng ë tõ "last night".

***\* C©u ghi vÊn:***

VÝ dô 1:

Has Ba turned off the washing machine yet?

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë tõ "Ba", “turned”, “washing machine”, ®éng t¸c tay lªn ë tõ "yet".

VÝ dô 2:

Can your brother swim?

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë tõ "your brother", ®éng t¸c tay lªn ë tõ "swim".

VÝ dô 3:

Is she always losing her things?

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë c¸c tõ "she, always, losing", ®éng t¸c tay lªn ë tõ "things".

***\* C©u tr¶ lêi:***

VÝ dô 1:

Yes, he has.

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng ®éng t¸c tay xuèng ë c¸c tõ "Yes, has".

VÝ dô 2:

No, he can't.

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng ®éng t¸c tay xuèng ë c¸c tõ "No, can't".

***\* C©u lùa chän:***

VÝ dô 1:

Is Miss Young a doctor or a nurse?

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn gâ nhÞp ë c¸c tõ "Is, Young", ®éng t¸c tay lªn ë c¸c tõ "doctor", ®éng t¸c tay xuèng ë tõ "nurse".

VÝ dô 2:

Are you a teacher or a student?

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë c¸c tõ "Are you", ®éng t¸c tay lªn ë tõ "teacher", ®éng t¸c tay xuèng ë tõ "student".

***\* C©u hái cã tõ ®Ó hái:***

VÝ dô 1:

How long have you lived here?

- Gi¸o viªn tiÕn hµnh luyÖn tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu theo ph­¬ng ph¸p chung.

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë c¸c tõ "How, long, lived", ®éng t¸c tay xuống ë tõ "here".

VÝ dô 2:

What were you doing at this time yesterday?

- Gi¸o viªn dïng nhÞp gâ ë tõ "What, were, doing", ®éng t¸c tay xuèng ë tõ "yesterday".

2. Xác định thời điểm, các bài tập nên cho học sinh luyện tiết tấu ngữ âm, ngữ điệu:

*a. Dạy trọng âm của từ:* phần này phù hợp với hoạt động cá nhân, do vậy các loại bài tập sau sẽ có hiệu quả:

+ Luyện đọc từ mới.

+ Nghe băng, điền thông tin, sau đó nhắc lại từ cần điền.

Ví dụ: Unit 1 – My friends – Lesson 3: Listen.

* Pre-teach vocabulary:

- ‘character (translation)

- an ‘orphanage: (explanation) a place where children without parents live.

- re‘served (adj)

- ‘sociable (situation)

- (to) tell jokes: (explanation) tell a story which makes people laugh.

- sense of ‘humor (translation).

- T presents and gives the meaning of new words. Next, T guides Ss to read new words in chorus, then individually (T pronounces the words twice as model first, and then marks stress on the stressed syllable(s).

- Ss listen and repeat the words in chorus then individually. (T asks Ss to repeat the words and correct their pronunciation if needed).

***b. Dạy trọng âm của câu:*** Phần này phù hợp với hoạt động cá nhân, đôi và nhóm, do vậy sẽ thích hợp khi lồng ghép và các dạng bài tập:

+ Luyện đọc mẫu câu sau phần giới thiệu ngữ liệu mới.

+ Luyện tập đọc các bài hội thoại, bài khóa.

+ Luyện nói theo chủ đề: tạo dựng các bài hội thoại ngắn, đóng vai hội thoại theo mẫu cho sẵn.

**Ví dụ 1: Unit 3 – At home – Lesson 2: Speak.**

*Mrs. Vui bought new furniture for her living room, but she can not decide where to put it. You should help her to arrange the furniture.*

- T makes a model dialogue with a S. Then 2 Ss do it again: (T pays attention to the word stress, but above all the sentence stress. T raises hands and moves them up and down to the stress and intonation so that Ss can see and imitate.)

+ Let’s put the clock on the wall, between the shelf and the picture.

+ OK. I think we ought to put the TV and the stereo on the shelf.

**Ví dụ 2: Unit 11 – Travelling around Vietnam – Lesson 2: Speak**

- T reminds Ss of the exchanges between Hoa and Mr. Jones and between Hoa and Tim in the last dialogue and elicits model sentences from Ss.

**Model sentences**:

1. A : Would you mind sittingin the front seat of the taxi ?

B : No problem .

2. A : Would you mind if I **t**ook a photo ?

B : Not at all .

**Concept checking:**

**Use:** To make and respond to formal requests

**Form :**

1. Would you mind / Do you mind + verb- ing …?

2. Would you mind if I + Verb ( in Past simple tense) …?

Do you mind if I + Verb ( in Present simple tense ) ..?

**Responses** :

* Agreement:

No, I do not mind. / No, of course not. / Not at all. / Please do. / Please go head.

* Disagreement :

I’m sorry, I can not. / I am sorry, it is impossible.

I’d prefer you did not. / I’d rather you did not.

**Intonation:** T pays attention to the word stress, but above all the sentence stress. T raises hands and moves them up and down to the stress and intonation so that Ss can see and imitate.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Trªn ®©y lµ ph­¬ng ph¸p d¹y ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu **t**rong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh ë tr­êng THCS Khương Đình mµ t«i ®· ¸p dông gi¶ng d¹y cho ®èi t­îng häc sinh líp 8A3 và 8A4.

Giữa học kỳ II, tôi đã tiến hành một bài khảo sát khác để đánh giá trình độ học sinh sau khi áp dụng các biện pháp dạy ngữ âm, ngữ điệu, kết quả đạt được:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Số HS** | **Kết quả kiểm tra** | | | |
| **Dưới TB** | **TB** | **Khá** | **Giỏi** |
| 8A3 | 33 | 2 | 9 | 15 | 7 |
| 8A4 | 30 | 3 | 10 | 11 | 6 |

KÕt qu¶ cho thấy, hiện tại khoảng 70% häc sinh líp 8A3 và 60 % học sinh lớp 8A4 ®· n¾m ch¾c tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu ®Ó diÔn ®¹t néi dung tr×nh bµy; c¸c em ®· nhËn râ sù kh¸c nhau vÒ tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu gi÷a tiÕng ViÖt vµ tiÕng Anh. Con số này đầu năm học 2012-2013 mới chỉ dừng lại lần lượt ở khoảng 40% và 30%– khi các em sö dông mét tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u nãi nên ng­êi nghe không dễ dàng nhËn râ néi dung diÔn ®¹t; c¸c em còng khá lóng tóng khi nghe băng, đĩa hoặc giáo viên nói, cho r»ng gi¸o viªn nãi nhanh, khã hiÓu. Cho đến thời điểm này, những hiện tượng đó đa số đã được khắc phục; các em đã có sự tiến bộ rõ rệt trong cả nhận thức và trình bày kỹ năng nghe – nói.

PHẦN III – KẾT LUẬN

1. Bµi häc kinh nghiÖm.

Việc gióp häc sinh n¾m v÷ng tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u nãi lµ ®iÒu quan träng trong gi¶ng d¹y bé m«n tiÕng Anh. TiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu sai dÉn ®Õn diÔn ®¹t néi dung sai, ¸p dông tiÕt tÊu, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u nãi nh­ ®· nªu gióp t«i cã thÓ gi¶n l­îc nh÷ng c©u diÔn dÞch b»ng tiÕng ViÖt; giúp ph¸t triÓn tèi ®a kh¶ n¨ng nghe (listening), nãi (speaking), ®äc (reading) cña häc sinh.

Ngoµi ra, trong ch­¬ng tr×nh ®æi míi SGK TiÕng Anh THCS cã phÇn nhÊn m¹nh vÒ kü n¨ng giao tiÕp. PhÇn ng÷ ©m lµ mét phÇn kh«ng thÓ thiÕu trong c¸c bµi thi, bµi kiÓm tra, ®Ò thi c¸c cÊp. V× vËy, viÖc d¹y ng÷ ©m trong qu¸ tr×nh d¹y häc lµ kh«ng thÓ thiÕu.

2. Đề xuất - KiÕn nghÞ.

Víi nh÷ng kinh nghiÖm trªn, t«i hi vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ trong viÖc gióp ®ång nghiÖp vµ häc sinh ¸p dông các phương pháp cã hiÖu qu¶ trong quá trình d¹y và häc tiếng Anh. T«i cũng ®Ò xuÊt cã mét gi¸o tr×nh vÒ d¹y ng÷ ©m cho cả gi¸o viªn vµ häc sinh ®­a vµo sö dông ë trong tr­êng THCS. §©y lµ nguyÖn väng thùc tÕ vµ lµ nhu cÇu cña gi¸o viªn vµ häc sinh nh»m ®­a chÊt l­îng häc ngo¹i ng÷ lªn cao, ®¸p øng yªu cÇu cña thùc tiÔn vµ ch­¬ng tr×nh ®Ò ra.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ *Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 2013***

*Tôi xin cam đoan đây là SKKN của mình viết, không sao chép nội dung của người khác*

***NGUYỄN MINH HUYỀN***

**PHỤ LỤC**

**PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ:**

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU
3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU
4. §èi t­îng nghiên cứu:

2. Thêi gian nghiªn cøu:

1. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
2. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

**PHẦN II – NỘI DUNG ĐỀ TÀI**

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN
2. Tổng quan
3. Khái niệm cơ bản về ngữ âm, ngữ điệu trong tiếng Anh
4. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. ThuËn lîi:

2. Khã kh¨n:

1. CÁC BIỆN PHÁP DẠY NGỮ ÂM, NGỮ ĐIỆU:

1. Biện ph¸p d¹y ng÷ ©m, ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh.

*a. Ph­¬ng ph¸p chung khi giảng d¹y ng÷ ®iÖu trong c¸c lo¹i c©u tiÕng Anh:*

*b. Biện ph¸p d¹y ngữ âm, ng÷ ®iÖu trong tõng lo¹i c©u cô thÓ*:

2. Xác định thời điểm, các bài tập nên cho học sinh luyện tiết tấu ngữ âm, ngữ điệu:

*a. Dạy trọng âm của từ:*

*b. Dạy trọng âm của câu:*

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

PHẦN III – KẾT LUẬN

1. Bµi häc kinh nghiÖm.

2. Đề xuất - KiÕn nghÞ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

**TRƯỜNG THCS KHƯƠNG ĐÌNH**

**----------------🖎🕮✍----------------**



**SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**

**PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾT TẤU, NGỮ ÂM, NGỮ ĐIỆU TRONG CÁC LOẠI CÂU TIẾNG ANH CHO HỌC SINH LỚP 8 Ở TRƯỜNG THCS KHƯƠNG ĐÌNH**

**Môn: Tiếng Anh**

**Họ và tên giáo viên: Nguyễn Minh Huyền**

**Tài liệu đính kèm: 01 đĩa CD**

**Năm học 2012-2013**

**N¨m häc 2010-2011**